

MẠNG LƯỚI CHỢ TRUYỀN THỐNG Ở NÔNG THÔN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG (1996-2006)

ĐINH QUANG HẢI
LÊ QUANG CÂN**

Hiện nay, đồng bằng sông Cửu Long gồm 13 tỉnh, thành phố là: An Giang, Bến Tre, Bạc Liêu, Cà Mau, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long và Thành phố Cần Thơ.

Với điều kiện tự nhiên khá ổn định, thuận lợi đối với sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, vùng đất đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng nhu cầu của các thế hệ lưu dân Việt và các tộc người thiểu số như người Khơmer, người Hoa, người Chăm... đã sinh cơ lập nghiệp ở đây từ hơn 300 năm qua. Vùng đất này là trung tâm lớn về sản xuất lúa gạo, nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản và khai thác lâm thổ sản. Sau khi người dân định cư dựng làng, lập ấp, mở rộng sản xuất nông nghiệp, khai thác các nguồn lợi tự nhiên với số lượng cung vượt cầu, mạng lưới chợ truyền thống nơi đây lần lượt ra đời đáp ứng nhu cầu trao đổi, mua bán, luân chuyển hàng hóa giữa các địa phương trong vùng và giữa vùng này với nhiều nơi khác trong và ngoài nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Trong thời kỳ Đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc

tế, nhất là từ sau năm 1996 đến nay, mặc dù đi liền với quá trình đô thị hóa là sự ra đời của rất nhiều siêu thị hiện đại, với nhiều chủng loại hàng hóa và nhiều tiện ích khác nhau, nhưng tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long, mạng lưới chợ truyền thống ở khu vực nông thôn vẫn giữ vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi muốn đi sâu phân tích bối cảnh lịch sử và những yếu tố mới tác động đến chợ truyền thống, thực trạng hiện nay của chợ truyền thống, cũng như những tác động của chợ truyền thống đối với tình hình kinh tế và xã hội của khu vực nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 1996 đến năm 2006, qua đó góp phần đưa lại cái nhìn khách quan, chân thực hơn về chợ truyền thống đã, đang và sẽ còn tồn tại khá lâu dài.

1. Khái quát về đồng bằng sông Cửu Long và chủ trương, chính sách phát triển chợ truyền thống ở nông thôn

Đồng bằng sông Cửu Long là bộ phận châu thổ cuối cùng của sông Mê Kông trước khi đổ nước ra biển Đông, với diện tích tự nhiên khoảng 40.602,3 km² (1). Phía Đông Bắc của đồng bằng sông Cửu Long giáp

*PGS.TS Viện Sử học

**TS. Ban Tuyên Giáo, Tỉnh ủy Đồng Nai

Đông Nam Bộ, phía Đông Nam giáp Biển Đông, phía Tây Nam giáp vịnh Thái Lan, phía Bắc giáp Campuchia. Vùng đồng bằng sông Cửu Long có 4 tỉnh có đường biên giới tiếp giáp với Campuchia, dài khoảng 330km, gồm tỉnh Long An giáp với tỉnh Prây Veng và Svay Riêng, tỉnh Đồng Tháp giáp với tỉnh Prây Veng và Kandal, tỉnh An Giang giáp với tỉnh Tà Keo, tỉnh Kiên Giang giáp với tỉnh Kampốt. Trên dọc tuyến biên giới đó có ba cửa khẩu quốc tế và bốn cửa khẩu quốc gia, rất thuận lợi cho việc trao đổi buôn bán hàng hóa của người dân hai nước, đặc biệt là qua hệ thống chợ biên giới. Đồng bằng sông Cửu Long còn có đường bờ biển dài trên 700 km và khoảng 360.000 km² vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam, rất thuận lợi cho giao thông đường thủy và phát triển kinh tế biển, khai thác các nguồn lợi thủy hải sản, tạo thuận lợi thúc đẩy hệ thống chợ ven biển phát triển.

Đồng bằng sông Cửu Long là một vùng có tiềm năng sản xuất nông nghiệp lớn, là vựa lúa, rau, hoa, trái và cá tôm. Trước hết là lúa, sau đó mới là các loại cây ăn quả, cây công nghiệp (mía, dừa...), rau, củ, quả và loại hoa màu khác. Qua việc khai thác sử dụng đất ở đồng bằng sông Cửu Long từ trước đến nay đã chứng tỏ tiềm năng trồng lúa của nơi đây. Theo phúc trình của các chuyên gia Hà Lan, năm 1942 diện tích đất canh tác lúa ở đồng bằng sông Cửu Long đạt 2.303.000 ha, năm 1967 giảm xuống còn 1.649.600 ha, đến năm 1972 lại tăng lên 2.020.000 ha (2); Năm 2000 đã tăng lên 2.970.000 ha (3). Với bờ biển và hệ thống sông ngòi dài, cùng hệ thống kênh rạch chằng chịt, vùng đồng bằng sông Cửu Long cung cấp nhiều loại cá tôm cả nước ngọt, nước mặn, nước lợ. Theo thống kê năm 1973, tổng sản lượng cá đánh bắt được ở vùng đồng bằng sông Cửu Long đã là

226.419 tấn, trong đó có 147.762 tấn cá biển (4); các cơ sở sản xuất nước mắm ở vùng đồng bằng sông Cửu Long sản xuất được 23.475.000 lít, tức là hơn 1/3 tổng số nước mắm được sản xuất tại miền Nam (5). Ngoài ra, đồng bằng sông Cửu Long còn là vùng có tiềm năng lớn về cây trái và các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp khá phong phú, đa dạng và còn bảo lưu được những giá trị đặc trưng của văn hóa truyền thống. Đó chính là những nguồn nguyên liệu và hàng hóa chủ yếu được trao đổi buôn bán tại các chợ truyền thống ở nông thôn đồng bằng sông Cửu Long trước kia và hiện nay.

Ngoài những điều kiện tự nhiên thuận lợi làm nền tảng cho một nền kinh tế nhiều tiềm năng, đồng bằng sông Cửu Long còn là nơi có những đặc điểm về mặt xã hội đáng lưu ý. Đó là nông dân vùng đồng bằng sông Cửu Long có tỷ lệ biết chữ cao. Theo một nghiên cứu năm 1968 của Viện Stanford cho thấy tỷ lệ nông dân biết chữ ở đồng bằng sông Cửu Long là 70%, còn theo thống kê năm 1971 của Viện Quốc gia Thống kê Sài Gòn, tỷ lệ biết chữ của nông dân trên 10 tuổi là 76%, trong đó tỷ lệ biết chữ của nam giới là 86,8%, nữ giới là 67,5% (6). Điều rất đáng lưu ý là nếu tính mật độ dân số trên diện tích đất canh tác nông nghiệp thì đồng bằng sông Cửu Long không thật sự là vùng "đất rộng người thưa", mà thực tế áp lực nhân khẩu trên diện tích đất canh tác ở đây tương đối cao. Trước giải phóng (1975), ở đồng bằng sông Cửu Long có tới 85% dân số sống trong khu vực nông thôn, 70% là nông dân làm nông nghiệp. Theo kết quả điều tra năm 1999 vẫn có hơn 80% lao động làm việc ở nông thôn. Hiện nay tỷ lệ đó cũng không thay đổi nhiều, cho dù tốc độ phát triển công nghiệp và đô thị hóa ở đây đã diễn ra khá mạnh mẽ. Theo Tổng cục Thống kê, tổng

dân số của đồng bằng sông Cửu Long tính cuối năm 2018 là 17.804.700 người; trong đó, có 13.253.800 người dân sinh sống ở địa bàn nông thôn (chiếm 76.2%). Đó chính là những yếu tố quan trọng về cả truyền thống và hiện đại đã có những tác động đến sự ra đời, hoạt động và phát triển của mạng lưới chợ ở đồng bằng sông Cửu Long. Chợ truyền thống nông thôn đã trở thành cầu nối thiết thực giữa người sản xuất và người tiêu dùng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Chính vì vậy, cho đến trước năm 1986 hậu quả của tình trạng “ngăn sông cấm chợ” do những hạn chế, bất cập của cơ chế, chính sách theo lối quan liêu bao cấp kéo dài đã làm cho tình hình sản xuất lưu thông trong nước bị trì trệ, lạm phát gia tăng, kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế. Do đó Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 188-HDBT ngày 23-11-1982, trong đó nhấn mạnh: “Quản lý thị trường cuối cùng phải đạt được mục đích mở rộng lưu thông hàng hóa một cách có tổ chức, có trật tự, thúc đẩy sản xuất, phục vụ đời sống nhân dân. Quản lý không phải là cấm chợ, ngăn sông làm cho lưu thông hàng hóa bị ách tắc, thị trường bị chia cắt, gây phiền hà cho nhân dân... Phải áp dụng đồng bộ các biện pháp kinh tế và hành chính, tư tưởng và tổ chức, trong đó nắm vững biện pháp kinh tế là cơ bản, mà biện pháp kinh tế quan trọng nhất là thương nghiệp Xã hội chủ nghĩa phải nắm nguồn hàng tận gốc, phải mở rộng kinh doanh Xã hội chủ nghĩa, chiếm lĩnh thị trường. Về tư tưởng và tổ chức, phải động viên cho được lực lượng quần chúng, dựa vào quần chúng, và phải tổ chức tốt sự hiệp đồng giữa các ngành, các cấp. Mặt khác, phải hết sức tăng cường quản lý hành chính, làm cho pháp luật Nhà nước được thi hành nghiêm chỉnh. Đối với

bọn đầu cơ, buôn lậu, phá rối thị trường và những phần tử thoái hoá biến chất, đang đục khoét nền kinh tế Xã hội chủ nghĩa từ bên trong, phải kiên quyết trấn áp, đánh cho trúng, nhất là những tên đầu sỏ” (7).

Nhiệm vụ rất quyết liệt cũng được đặt ra cho công tác quản lý thị trường là phải: “Sắp xếp và quy hoạch hợp lý các chợ trên từng địa bàn, chấn chỉnh các tổ chức quản lý chợ. Thu hút hết người mua, người bán vào chợ, chấm dứt tình trạng họp chợ bừa bãi trên vỉa hè và đường giao thông. Đặc biệt chú trọng tổ chức tốt các chợ ở miền núi, qua đó mà mở rộng giao lưu hàng hóa, thúc đẩy sản xuất phát triển, cải thiện đời sống nhân dân” (8).

Thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và Chính phủ, tình trạng “ngăn sông cấm chợ” tại các địa phương trong những năm sau đó, nhất là từ khi thực hiện đường lối Đổi mới (1986) đã dần dần được xóa bỏ, lưu thông hàng hóa đã từng bước được khôi phục, góp phần phục hồi hoạt động sản xuất và lưu thông hàng hóa và thị trường cũng dần đi vào ổn định. Nhờ có chủ trương đúng đắn đó đã làm cho mạng lưới chợ nói chung, chợ theo lối truyền thống (9) ở nông thôn nói riêng, được khôi phục và ngày càng phát triển.

Đặc biệt từ năm 1995, sau khi Việt Nam bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ và Việt Nam trở thành thành viên chính thức của tổ chức ASEAN, quan hệ thương mại quốc tế từng bước được xác lập giữa Việt Nam và các đối tác. Trong phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (1996-2000), Đảng ta đã đề ra mục tiêu “phát triển nông nghiệp toàn diện hướng vào bảo đảm an toàn lương thực quốc gia trong mọi tình huống, tăng nhanh nguồn thực phẩm và rau quả, cải thiện chất lượng bữa ăn, giảm suy dinh dưỡng. Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn có

hiệu quả... mở rộng thị trường nông thôn; tăng thu nhập của nông dân. Đẩy mạnh xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội” (10).

Các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước thời kỳ này đã định hướng cho các địa phương khắc phục khó khăn, tạo ra sự chuyển biến mới nhằm bảo đảm an toàn lương thực quốc gia trong mọi tình huống, không chỉ đáp ứng nhu cầu lương thực trong nước, mà còn cho xuất khẩu, góp phần không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Chính nhờ các chủ trương, chính sách đúng đắn đó đã “bảo đảm lưu thông hàng hóa thông suốt, dễ dàng trong cả nước, nhất là vùng nông thôn, vùng sâu và miền núi, chú trọng công tác tiếp thị trong và ngoài nước. Tăng cường quản lý thị trường, hướng dẫn các thành phần kinh tế trong thương nghiệp phát triển đúng hướng, đúng chính sách, pháp luật, cạnh tranh lành mạnh...”(11).

Có thể khẳng định rằng, từ những khó khăn, phức tạp của tình hình thực tế, từ sự trì trệ, yếu kém, bế tắc của sản xuất và lưu thông hàng hóa trên thị trường, cùng với những khó khăn thiếu thốn về mọi mặt trong đời sống của người dân, đã buộc đất nước phải đổi mới. Khẩu hiệu “Đổi mới hay là chết” đã thúc đẩy các cấp, các ngành phải đổi mới tư duy, thay đổi cách nghĩ, cách làm để đưa đất nước thoát ra khỏi tình trạng khó khăn. Chủ trương chính sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung, đối với lĩnh vực thương nghiệp nói riêng của Đảng và Nhà nước được ban hành kịp thời và thực thi đúng lúc, có hiệu quả, giúp cho tình hình kinh tế - xã hội của đất nước dần đi vào thế ổn định và phát triển.

2. Thực trạng chợ truyền thống ở nông thôn đồng bằng sông Cửu Long (1996-2006)

Nhằm chủ động hội nhập khu vực và thế giới, liên tiếp trong hai năm 1996 và 1998, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành *Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đối với một số địa phương thuộc vùng ĐBSCL* (như Cần Thơ, An Giang...) và Quyết định số 01/1998/QĐ-TTg, ngày 05/01/1998 về “*Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long từ nay tới năm 2010*” gồm 12 tỉnh: Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bến Tre, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu và Cà Mau. Theo đó, hạ tầng thương nghiệp nói chung, chợ truyền thống ở thành thị và nông thôn nói riêng trở thành yếu tố quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Việc phát triển thương mại và dịch vụ nói chung, chợ truyền thống nói riêng với định hướng đề ra là “nhịp độ tăng trưởng bình quân thời kỳ từ nay tới năm 2000 đạt 11%/năm, thời kỳ 2001-2010 đạt 13%/năm. Phát triển ngành thương mại và các ngành dịch vụ phải thúc đẩy sự phát triển các ngành kinh tế toàn vùng nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội đề ra. Hình thành các trung tâm thương mại, siêu thị, mạng lưới chợ... tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh... lưu thông hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống dân cư” (12). Đồng thời, trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 1998-2010, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu “Chú trọng tổ chức phát triển các điểm dân cư khu vực nông thôn, đặc biệt là đô thị hóa nông thôn; tạo điều kiện cho vùng biên giới, vùng ven biển hải đảo, vùng

ngập lũ, khắc phục tình trạng chênh lệch giữa các vùng” (13).

Nhờ có chủ trương chính sách phù hợp, nên tình hình kinh tế-xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long có chuyển biến, mạng lưới chợ truyền thống cũng nhờ đó mà tăng lên nhanh chóng về số lượng, mở rộng về quy mô đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế.

Ở một khía cạnh khác, chính chợ truyền thống cũng là một trong những nhân tố quan trọng trong sự phát triển thương nghiệp để đáp ứng nhu cầu hội nhập khu vực và thế giới. Việc xây dựng hành lang pháp lý đối với phát triển chợ nông thôn giữ vai trò quan trọng, tại Điều 13 *Chính sách thương mại đối với nông thôn* của *Luật Thương mại* số 58-L/CTN, được Quốc hội ban hành ngày 10-5-1997, đã ghi rõ: “Nhà nước có chính sách phát triển thương mại đối với thị trường nông thôn, tạo điều kiện mở rộng và phát triển chợ nông thôn. Doanh nghiệp Nhà nước đóng vai trò chủ lực cùng với hợp tác xã và các thành phần kinh tế khác thực hiện việc bán vật tư nông nghiệp, hàng công nghiệp, mua nông sản nhằm góp phần nâng cao sức mua của nông dân và tạo tiền đề thúc đẩy việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất hàng hoá, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn” (14).

Đảng và Nhà nước đã quyết liệt chỉ đạo phát triển nông nghiệp, nông thôn cả nước nói chung, nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long nói riêng theo hướng “phát triển thị trường tiêu thụ nông, lâm, thủy sản trong nước trên cơ sở tạo điều kiện tăng thu nhập của nhân dân và thực hiện cơ chế lưu thông hàng hoá thông thoáng. Thực hiện các biện pháp mở rộng thị trường xuất khẩu; có chính sách khuyến khích và tạo

điều kiện thuận lợi để các đơn vị sản xuất thuộc các thành phần kinh tế đẩy mạnh xuất khẩu nông sản” (15).

Để có thể thúc đẩy phát triển mạng lưới chợ nói chung, chợ truyền thống ở khu vực nông thôn đồng bằng sông Cửu Long nói riêng, Bộ Thương mại ban hành Thông tư số 15-TM/CSTTTN, ngày 16-10-1996 về *Hướng dẫn tổ chức và quản lý chợ*. Theo đó, “Khuyến khích việc phát triển một số chợ bán buôn phát luồng hàng, chợ chuyên doanh ở những vùng sản xuất tập trung có khả năng chi phối mạng lưới chợ trong từng khu vực. Bên cạnh những chợ lớn, cần phát triển một số chợ mới có quy mô thích hợp gắn với các khu dân cư, các làng nghề truyền thống nhằm cung ứng nguyên liệu, phục vụ nhu cầu hàng ngày của nhân dân và mạng lưới tiêu thụ sản phẩm của người sản xuất” (16).

Quán triệt chủ trương của Đảng và thực hiện các quy định, hướng dẫn của Trung ương, các địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long đã sớm triển khai vào điều kiện thực tế của địa phương tạo nên diện mạo mới của mạng lưới chợ ở nông thôn đồng bằng sông Cửu Long. Kết quả của sự đổi thay đó được thể hiện thông qua sự tồn tại và hoạt động của chợ nông thôn ở một số tỉnh tiêu biểu sau đây:

Trong định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm (1996-2000), của tỉnh Trà Vinh xác định cần phải “phát huy hoạt động thương mại nhiều thành phần kinh tế, thúc đẩy sản xuất phát triển... Chấn chỉnh lại hệ thống chợ ở thị xã, thị trấn, mở mang hệ thống chợ ở nông thôn, tạo điều kiện cho giao lưu hàng hóa phát triển mạnh mẽ” (17). Kết quả là chợ truyền thống ở khu vực nông thôn được quan tâm mở rộng về số lượng và quy mô đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa của

người dân. Đồng thời tỉnh Trà Vinh cũng đã xác định rõ “phát triển mạng lưới thương mại nông thôn, lấy chợ và các cụm kinh tế - thương mại dịch vụ ở thị trấn, thị tứ là điểm tựa chủ yếu” (18) để thúc đẩy sản xuất. Trong đó, chợ nông thôn giữ vai trò quan trọng đối với việc trao đổi, mua bán hàng hóa, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Tại Bến Tre, trong Báo cáo của Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ VII, nhiệm kỳ 2001-2005 đã xác định: “Phải tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội bình quân khoảng 13%/năm, bảo đảm cho các nhu cầu về sản xuất và đời sống. Mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa. Thực hiện tốt việc nâng cấp và phát triển trung tâm thương mại và các chợ theo quy hoạch. Phát triển các loại hợp tác xã thương mại, hợp tác xã tiêu thụ nông sản, mở rộng các hình thức đại lý trong và ngoài tỉnh” (19). Tỉnh Bến Tre chủ trương phát triển các ngành dịch vụ theo hướng đa dạng hóa, mở ra các loại hình dịch vụ mới đến các trung tâm thương mại, hệ thống chợ, khu dân cư, vùng sản xuất tập trung, các khu, cụm công nghiệp, làng nghề,... nâng cao chất lượng hoạt động, phục vụ kịp thời cho sản xuất kinh doanh và nhu cầu đời sống. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng các ngành dịch vụ bình quân 16%/năm... Tổ chức quản lý kinh doanh trong hệ thống chợ và các trung tâm thương mại, đảm bảo văn minh, hiệu quả thuận lợi cho cả người mua và người bán... Đẩy mạnh đầu tư và khai thác có hiệu quả các trung tâm thương mại, chợ nông thôn và chợ đầu mối. Trong cơ cấu thương nghiệp, hạ tầng cơ sở vật chất chợ truyền thống ở địa bàn nông thôn giữ vai trò rất quan trọng đáp ứng nhu cầu về địa điểm trao đổi hàng hóa giữa người sản xuất công - nông nghiệp với nhau và giữa người sản xuất với người tiêu dùng.

Lãnh đạo tỉnh Tiền Giang cũng rất quyết liệt trong việc chỉ đạo các huyện trong tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế, chủ động lựa chọn những giải pháp phù hợp phát triển mạng lưới chợ nông thôn nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nếu như trước năm 1996, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang mới chỉ xác định: “Để hoạt động thương mại dịch vụ phát triển tốt trong cơ chế thị trường, chủ trương xây dựng, nâng cấp, chỉnh trang các chợ nông thôn”, thì trong giai đoạn 1996-2000, Huyện ủy Chợ Gạo đã đặt ra yêu cầu “Các chợ trọng điểm được nâng cấp và phát triển một số chợ nông thôn. Thương nhân xã hội tăng nhanh. Các dịch vụ chuyên ngành được tổ chức kinh doanh tốt hơn, mua bán thuận tiện, hàng hóa đa dạng đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân” (20) và “phấn đấu đạt mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tăng bình quân trên 12%/năm. Tiếp tục đầu tư nâng cấp chợ nông thôn ở những xã có điều kiện. Khuyến khích và phát huy tính tích cực của các thành phần kinh tế tham gia hoạt động kinh doanh dịch vụ” (21) để đáp ứng nhu cầu mua bán nông sản, hàng hóa tiêu dùng, cung ứng vật tư sản xuất kinh tế của địa phương.

Nhờ có sự quan tâm của lãnh đạo tỉnh Tiền Giang, trong 10 năm (1996-2006), các chợ nông thôn của huyện Chợ Gạo đã được đầu tư sửa chữa, xây mới tăng trung bình khoảng 10-15%/năm đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa của người dân ở địa phương. Ngoài ra chính quyền địa phương còn chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng của các chợ, ví dụ trước năm 1996 chợ Ông Văn (huyện Chợ Gạo) có hạ tầng hợp chợ ọp ẹp, ảm thấp, nhếch nhác... gây khó khăn đối với hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của người dân địa phương và phụ cận. Trong giai đoạn 1996-2006, chợ Ông Văn đã được

đầu tư hạ tầng cơ sở vật chất kang trang, sạch đẹp với hơn 150 quầy sạp cố định, hàng chục điểm buôn bán không kiến cố trong chợ, góp phần thúc đẩy mua bán, trao đổi hàng hóa, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần người dân và làm thay đổi bộ mặt nông thôn của địa phương (22).

Chợ Bình Hiệp ở ấp Ông Nhan Tây, xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An có hạ tầng cơ sở vật chất kiên cố theo quy chuẩn kiến trúc của Bộ Xây dựng. Chợ Bình Hiệp là chợ liên xã cách biên giới Campuchia khoảng 1km, nơi mua bán, trao đổi hàng hóa của các xã lân cận, đồng thời là địa điểm cung cấp hàng hóa cho giới mua bán, trao đổi hàng hóa, vận chuyển về chợ Chùa Gò và chợ Huyện Rổ của nước bạn Campuchia, đáp ứng nhu cầu của người dân Campuchia (23).

Việc quy hoạch hạ tầng phát triển chợ thời kỳ này đã được các tỉnh tiến hành khá bài bản, điển hình là tỉnh An Giang. Ngày 17-4-1998, tỉnh An Giang ban hành Quyết định số 727/1998/QĐ-UB về việc *Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới chợ tỉnh An Giang từ năm 1998 đến năm 2005* nhằm “tập trung sắp xếp, quy hoạch hệ thống mạng lưới chợ trên địa bàn toàn tỉnh theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân mua bán, giao lưu trao đổi hàng hóa, góp phần tích cực vào việc thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân” (24).

Đối với mạng lưới chợ nông thôn, Quyết định 727/1998/QĐ-UB yêu cầu “tùy theo đặc điểm tình hình thực tế của từng địa phương có thể xây dựng hoặc không xây dựng nhà lồng chợ, nhưng diện tích mặt bằng chợ phải đảm bảo đủ để bố trí ổn định nơi mua bán theo yêu cầu của nhân dân, và đảm bảo tránh bị ngập lũ hàng năm, đồng thời hướng dẫn các hộ kinh doanh xây cất,

sắp xếp các quầy, sạp bán hàng đảm bảo trật tự, văn minh thương nghiệp. Hoàn thiện các hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ chợ như: Hệ thống cấp thoát nước, điện chiếu sáng, đường giao thông nội bộ, nhà vệ sinh công cộng, hệ thống phòng cháy chữa cháy, xử lý rác thải, kho chứa hoặc cất giữ hàng hóa của người kinh doanh, bến bãi, cầu bốt dỡ hàng hóa, nơi giữ xe...” (25). Đồng thời, tỉnh An Giang xác định giải pháp thực hiện phát triển mạng lưới chợ truyền thống của cả tỉnh nói chung, ở nông thôn nói riêng với “việc phát triển mạng lưới chợ từ năm 1998 đến năm 2005, ước tính tổng kinh phí đầu tư sắp xếp, cải tạo, nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới khoảng từ 250 - 700 tỷ đồng. Trên địa bàn từng huyện, thị, Ủy ban nhân dân phải cụ thể hóa việc xây dựng, phát triển chợ gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương các kế hoạch trung dài hạn, ngắn hạn và dự án đầu tư cụ thể từng năm nhằm điều hành và quản lý phát triển theo định hướng đề ra” (26). Ngoài nguồn ngân sách Nhà nước do tỉnh cung cấp, còn huy động nguồn lực xã hội tham gia kinh doanh chợ. Tỉnh An Giang xác định việc “huy động từ xã hội là nguồn vốn chủ lực trong phát triển mạng lưới chợ. Huy động sự đóng góp của nhân dân mà trước hết là những người hiện đang mua bán ổn định tại các chợ theo phương thức thích hợp; thực hiện huy động vốn từ các hình thức khác kể cả trong và ngoài nước. Thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi kèm theo để phát triển mạng lưới chợ như: giao mặt bằng kinh doanh ổn định cho các hộ kinh doanh để họ yên tâm bỏ vốn kinh doanh; thực hiện thu thuế ổn định, công bằng; tạo điều kiện giúp đỡ các hộ kinh doanh vay vốn phát triển kinh doanh...” (27)

Tại tỉnh Đồng Tháp, thực hiện Chỉ thị 32/1998/CT-TTg, ngày 23-9-1998 của Thủ tướng Chính phủ về công tác quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010, tỉnh Đồng Tháp đã tiến hành quy hoạch tổng thể hạ tầng thương nghiệp chợ truyền thống đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thông qua việc ban hành hàng loạt quyết định phê duyệt quản lý, phát triển mạng lưới chợ truyền thống toàn tỉnh theo từng giai đoạn. Theo đó, ngày 05-6-1997 Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 34/QĐ-UB về Quy chế Tổ chức và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 48/QĐ-UB, ngày 19-9-1997 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp về Đề án phát triển thương mại - du lịch của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2000; Quyết định số 41/2000/QĐ-UB, ngày 26-06-2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp về Đề án phát triển chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến hết năm 2005; Quyết định số 48/2001/QĐ-UBND, ngày 14-9-2001 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt Đề án phát triển thương mại - du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2005; Quyết định số 13/2004/QĐ-UBND, ngày 20-02-2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp về “việc ban hành quy chế về tổ chức và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp”; Quyết định số 39/2004/QĐ-UBND, ngày 21/4/2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc Quy định một số chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư xây dựng và phát triển chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp...

Nhìn chung, chỉ trong vòng 4 năm (1996-1999) các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long đã thực hiện hàng loạt các giải pháp tối ưu nhằm phát triển hạ tầng thương nghiệp nói chung, chợ truyền thống

nói riêng, đặc biệt là mạng lưới chợ ở khu vực nông thôn đã tạo sự chuyển biến lớn về số lượng, quy mô, diện mạo, góp phần rất quan trọng thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn theo tinh thần Nghị quyết số 06-NQ/TW, “*về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn*”.

Tính đến cuối năm 1999, tổng số chợ truyền thống toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long là 1.619 chợ, trong đó số chợ đã được quy hoạch là 1.178 chợ, với tổng diện tích 1.537.000m², với 242.625 người buôn bán, trao đổi hàng hóa; trong đó người kinh doanh buôn bán không cố định và thường xuyên là 92.698 người (28).

Trong tổng số 1.619 chợ, có 1.178 chợ được quy hoạch theo định hướng phát triển của địa phương; theo đó, chợ chưa quy hoạch mang tính tự phát có 441 chợ; chợ có ban quản lý là 514 chợ; chợ chưa có ban quản lý 1.105 chợ; chợ kiên cố có 292 chợ; chợ bán kiên cố có 492 chợ; chợ lều quán tạm bợ có 437 chợ và chợ ngoài trời có 398 chợ (29).

Trong số 1.619 chợ thuộc các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, có 1.320/1.619 chợ nông thôn (tỷ lệ 81,5%) toàn vùng (30). Địa phương có số lượng chợ nông thôn nhiều nhất là tỉnh An Giang với 234/1.320 chợ, (chiếm tỷ lệ 17,7%) cả vùng; Địa phương có số lượng chợ nông thôn ít nhất là tỉnh Bạc Liêu.

Có thể khẳng định rằng, chợ truyền thống ở vùng nông đồng bằng sông Cửu Long chiếm số lượng lớn, đáp ứng yêu cầu sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Theo điều tra mạng lưới và lưu thông hàng hóa ở các chợ năm 1999 cho kết quả: Số chợ ở nông thôn với số lượng người buôn bán, trao đổi hàng hóa dưới 50 người là 448/1.320 chợ nông thôn (chiếm tỷ lệ 33,9%), chợ loại này nhiều nhất là ở tỉnh Tiền Giang; Số chợ nông thôn với số lượng

người buôn bán, trao đổi hàng hóa từ 50 người đến dưới 100 người là 416/1.320 chợ nông thôn (chiếm tỷ lệ 31,5%), chợ loại này nhiều nhất là ở tỉnh An Giang, ít nhất là ở tỉnh Bạc Liêu; Số chợ nông thôn với số lượng người buôn bán, trao đổi hàng hóa từ 200 đến dưới 300 người là 262/1.320 chợ nông thôn (chiếm tỷ lệ 19,8%), chợ loại này nhiều nhất là ở tỉnh An Giang, ít nhất là ở tỉnh Long An và tỉnh Cà Mau; Số chợ nông thôn với số lượng người buôn bán, trao đổi hàng hóa từ 300 đến dưới 500 người là 60/1.320 chợ (chiếm tỷ lệ 4,5%), chợ loại này nhiều nhất là ở tỉnh An Giang và tỉnh Trà Vinh, ít nhất là ở tỉnh Bạc Liêu; Số chợ nông thôn với số lượng người buôn bán, trao đổi hàng hóa từ 500 đến dưới 700 người là 20/1.320 chợ (chiếm tỷ lệ 1,5%), số chợ loại này nhiều nhất là ở tỉnh Kiên Giang; Số chợ nông thôn với số lượng người buôn bán, trao đổi hàng hóa từ 700 đến dưới 1000 người là 6/1.320 chợ (chiếm tỷ lệ 0,5%), chợ loại này nhiều nhất là ở tỉnh Đồng Tháp; Số chợ nông thôn với số lượng người buôn bán, trao đổi hàng hóa từ 1000 người trở lên có 1 chợ ở Kiên Giang (31).

Chợ ở nông thôn đồng bằng sông Cửu Long còn có điểm đặc biệt ít nơi nào có đó là chợ nổi - nét văn hóa nổi bật của vùng sông nước Tây Nam Bộ. Chợ nổi nơi đây ra đời từ nhiều thế kỷ trước gắn với điều kiện tự nhiên vùng sông nước đồng bằng sông Cửu Long có hệ thống kênh rạch chằng chịt, giao thông đường bộ khó khăn, đường thủy rất thuận lợi. Vì vậy, chợ nổi ra đời từ nhu cầu trao đổi, luân chuyển hàng hóa của người dân canh tác vùng sông nước. Từ sau năm 1986, chợ nổi vùng này ngày một phát triển đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng sông nước đồng bằng sông Cửu Long. Chợ nổi ở vùng này gồm các chợ nổi Cái Bè (Tiền Giang), Phong

Diên (Cần Thơ), Trà Ôn (Vĩnh Long) với đặc điểm nổi bật là chợ trái cây. Chợ nổi ở Cái Răng, Ngã Bảy, Ngã Năm thì mua bán đa ngành hàng. Chợ nổi Cà Mau, chợ nổi Long Xuyên (An Giang), chợ nổi Vĩnh Thuận (Kiên Giang), chợ nổi Ngang Dừa (Bạc Liêu), chợ nổi An Hữu, chợ nổi Cái Bè (Tiền Giang)... đã đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa của nhân dân địa phương.

Đặc biệt, trong khoảng thời gian “cao điểm 1992-2000, chợ nổi Phụng Hiệp, Ngã Bảy lên đến cả ngàn tàu ghe mỗi sáng. Riêng số ghe dịch vụ lên tới 200-300 chiếc. Lực lượng làm dịch vụ này thường ở luôn trên ghe hoặc các nhà sàn ven sông. Qua đó, ước tính luôn có khoảng 300-500 hộ gia đình bán trú ngay tại chợ nổi” (32) với ước tính hàng ngàn người sinh kế bằng buôn bán, trao đổi hàng hóa qua chợ nổi. Văn hóa thương hồ gắn với ca dao dân gian một thời “đạo nào vui bằng đạo đi buôn, xuống biển lên nguồn gạo chợ nước sông”. Chợ nổi - Nghề thương hồ hai thành phần làm nên sự trù mật, nhộn nhịp của đời sống sông nước. Nghề thương hồ tác động cho sự ra đời của chợ nổi. Chợ nổi vừa dưỡng nuôi nghề thương hồ bằng kinh tế, vừa thúc đẩy nghề thương hồ nhiều giá trị văn hóa (33).

Theo tổng hợp số liệu từ Sở Công thương các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, tính đến năm 2006 có khoảng 1665 chợ đặt dưới sự quản lý của Nhà nước, cá nhân, doanh nghiệp kinh doanh chợ, trong đó, Long An: 1113 chợ, Tiền Giang: 171 chợ, Bến Tre 172 chợ, Trà Vinh 112 chợ, Vĩnh Long 101 chợ, Đồng Tháp 186 chợ, An Giang 229 chợ, Kiên Giang 165 chợ, Cần Thơ 102, Hậu Giang 60 chợ, Sóc Trăng 120 chợ, Bạc Liêu 72 chợ, Cà Mau 73 chợ (34). Đến cuối năm 2008 vùng đồng bằng sông Cửu Long có 1676 chợ. Như vậy, trong thời gian từ năm 1999 đến năm 2006 số lượng chợ ở đồng

bằng sông Cửu Long nói chung, chợ truyền thống ở nông thôn nói riêng không tăng nhiều về số lượng, thậm chí có tỉnh còn giảm mạnh về số lượng như ở An Giang có 283 chợ năm 1999, đến năm 2008 còn 229 chợ. Nguyên nhân số lượng chợ truyền thống ở khu vực nông thôn đồng bằng sông Cửu Long không tăng nhiều trong thời gian từ năm 1996 đến năm 2006, xuất phát từ thực trạng di dân cơ học từ vùng Tây Nam Bộ chuyển đến vùng Đông Nam Bộ và nhất là sự siết chặt việc quản lý, di dời, giải thể chợ tạm, chợ lán chiếm lòng lề đường, lập lại trật tự buôn bán đối với chợ truyền thống.

Chợ truyền thống ở khu vực nông thôn đồng bằng sông Cửu Long được hình thành từ rất sớm do nhu cầu giao lưu, trao đổi, mua bán các loại hàng hóa phục vụ nhu cầu cuộc sống của nhân dân địa phương. Trong những năm 1996-2006, vận dụng sáng tạo chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và sự quan tâm của các cấp chính quyền, chợ truyền thống ở khu vực nông thôn đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục tồn tại và đã có bước phát triển mới về cả số lượng, quy mô và chủng loại hàng hóa. Chợ truyền thống ở nông thôn đã có những đóng góp quan trọng trong việc ổn định thị trường, cải thiện đời sống nhân dân, góp phần vào sự phát triển kinh tế, xã hội của các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

3. Nhận xét

Sự tồn tại lâu dài và hoạt động của mạng lưới chợ truyền thống ở nông thôn đồng bằng sông Cửu Long đã có những tác động khá mạnh mẽ đối với tình hình kinh tế và xã hội của các tỉnh ở đây.

Trước hết là tác động đối với kinh tế

Trong 10 năm (1996-2006), hệ thống chợ truyền thống nông thôn đồng bằng sông Cửu Long như lăng kính phản ánh sự chuyển biến mạnh mẽ của vùng được mệnh danh là

“văn minh miệt vườn”. Qua đó, chức năng của mạng lưới chợ nông thôn giữ vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, góp phần ổn định tình hình chính trị - xã hội địa phương. Chợ nông thôn ở đồng bằng sông Cửu Long đã hình thành, tồn tại và phát triển như quy luật khách quan vốn có của nó nhằm phục vụ tốt hơn đời sống vật chất và tinh thần người dân nơi đây.

Đồng bằng sông Cửu Long có hệ thống giao thông thủy bộ phát triển, thuận lợi để liên kết kinh tế, giao lưu hàng hoá với các tỉnh trong vùng và cả nước. Trong đó, mối liên hệ giữa hệ thống chợ nông thôn, trung tâm thương mại trong từng huyện, thị, thành phố với các thị trường trung tâm có ý nghĩa quan trọng. Để nâng cao hiệu quả của mạng lưới chợ nông thôn, cần có sự kết hợp giữa hệ thống chợ dân sinh phục vụ nhu cầu tiêu dùng thường xuyên của người dân ở các khu dân cư ven đô thị, khu dân cư nông thôn với hệ thống chợ bán buôn, chợ chuyên doanh, chợ đầu mối cung ứng, phát luồng hàng hoá đối với thị trường trong và ngoài Vùng. Ngoài ra, chợ nông thôn đồng bằng sông Cửu Long trở thành kênh tiêu thụ hàng hóa nội địa rất quan trọng đối với chương trình phát nông nghiệp, nông thôn.

Tác động đối với văn hóa - xã hội

Diện mạo chợ nông thôn đồng bằng sông Cửu Long đã hoàn toàn thay đổi trong giai đoạn 1996-2006 so với các giai đoạn trước đó, hình ảnh những ngôi chợ nông thôn cũ kỹ, nhếch nhác, tuềnh toàng, lụp xụp, mái tranh, vách nứa đã được thay thế theo tiêu chí xây dựng chợ mới của Bộ Xây dựng. Rất nhiều chợ nông thôn được xây dựng kiên cố bằng bê tông, cốt sắt, mái tôn, lát nền xi măng, phân chia quầy sạp; chia khu vực bán hàng tạp hóa, nhu yếu phẩm, quần áo, dày dép, bán hàng rau quả, cá thịt,... Để đảm an toàn, an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực

phẩm, hệ thống chợ nông thôn có hệ thống phòng cháy chữa cháy, cân đối chủng số lượng, bãi để xe, khu vực xử lý nước thải,... đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, du lịch, hội nhập khu vực và thế giới.

Chợ nông thôn đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 1996-2006 đã thực sự trở thành những ngôi chợ văn hóa thẩm mỹ về kết cấu hạ tầng, văn minh về không gian trao đổi hàng hóa, hiện đại về tổ chức quản lý. Chợ nông thôn đồng bằng sông Cửu Long đã góp phần làm thay đổi diện mạo nông thôn khu vực đồng bằng sông Cửu Long trong tiến trình Đổi mới và hội nhập quốc tế. Trong tương lai gần, với sự quyết tâm của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long sẽ thúc đẩy hơn nữa mạng lưới chợ nông thôn nơi đây trở thành “chất xúc tác” quan trọng trong thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và cuộc vận động “người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

CHÚ THÍCH

(1). Tổng cục thống kê, *Số đơn vị hành chính có đến ngày 31-12-2007 phân theo địa phương*. Nxb Thống kê, Hà Nội, 2007, tr.11. Cũng theo số liệu của Tổng cục thống kê: năm 2011 tổng diện tích các tỉnh, thành phố thuộc đồng bằng sông Cửu Long là 40.548,2 km².

(2). Viện Khoa học Xã hội tại Tp. Hồ Chí Minh, *Kinh tế & xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long qua các tư liệu cũ 1954-1975*, 1980, tr.7.

(3). Võ Hùng Dũng, *Đồng bằng sông Cửu Long cần sự chuyển hướng chiến lược kinh tế*. Tạp chí *Nghiên cứu Kinh tế*, số 308, tháng 1-2004, tr.13.

(4), (5). Viện Khoa học Xã hội tại Tp. Hồ Chí Minh, *Kinh tế & xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long qua các tư liệu cũ 1954-1975*, 1980, tr.12, 13.

(6). Viện Khoa học Xã hội tại Tp. Hồ Chí Minh, *Kinh tế & xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long qua các tư liệu cũ 1954-1975*, 1980, tr.17.

Qua nghiên cứu chợ truyền thống nông thôn đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 1996-2006, đã cho chúng ta thấy được sự sáng suốt, linh hoạt, nhạy bén của Đảng bộ và chính quyền các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long trong cải cách, mở cửa kinh tế, đặc biệt là trong lĩnh vực thương nghiệp, mà hệ thống chợ nông thôn đóng một vai trò quan trọng. Từ lý luận đến thực tiễn, chợ nông thôn ở đồng bằng sông Cửu Long đã từng bước phát huy hiệu quả đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn nói chung, trên toàn địa bàn các tỉnh, thành phố khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói chung. Nông thôn đồng bằng sông Cửu Long đã và đang hoàn thành Chương trình xây dựng Nông thôn mới với đầy đủ các tiêu chí theo hướng phát triển bền vững để xứng tầm là Vùng kinh tế trọng điểm quan trọng ở cực Nam của Tổ quốc.

(7), (8). Nghị quyết số 188-HĐBT, ngày 23-11-1982, *Về tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và quản lý thị trường*, tr. 3, 12.

(9). Có nhiều cách định nghĩa về chợ. Theo định nghĩa của Từ điển tiếng Việt: “Chợ là nơi được cộng đồng người đến mua bán vào những ngày, buổi nhất định”. Viện Ngôn ngữ học: Hoàng Phê (chủ biên) *Từ điển Tiếng Việt*. Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2010, tr.231. Còn theo Thông tư số 15/TM-CSTTTN, ngày 16-10-1996 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) *Hướng dẫn tổ chức và quản lý chợ*: Chợ là mạng lưới thương nghiệp được hình thành và phát triển cùng với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội. Theo Nghị định số 02/2003/ND-CP, ngày 14-01-2003 của Chính Phủ về phát triển và quản lý chợ: Chợ là loại hình kinh doanh thương mại được hình thành và phát triển mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo

quy hoạch, đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá và nhu cầu tiêu dùng của khu vực dân cư. Từ đó, chúng tôi quan niệm rằng: Chợ truyền thống là nơi trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa người sản xuất với người sản xuất, giữa người sản xuất với người tiêu dùng. Chợ truyền thống là nơi mua bán đối với lương thực, thực phẩm, nông sản, hàng tiêu dùng thiết yếu của người dân. Chợ truyền thống ở nông thôn là những chợ nhóm họp trên các địa bàn thôn xã, hàng hóa mua bán chủ yếu là nông sản, thực phẩm, con cây giống, vật tư nông nghiệp... Chợ truyền thống nông thôn hình thành từ nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa chủ yếu của người nông dân địa phương, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

(10). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 55, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015, tr. 445.

(11). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 55, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015, tr. 461

(12), (13). Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 01/1998/QĐ-TTg, ngày 05-01-1998 về “*phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long từ nay tới năm 2010*”, tr.3-4, tr.4-5.

(14). Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, *Luật Thương mại* số 58-L/CTN, ngày 10-5-1997, Điều 13. *Chính sách thương mại đối với nông thôn*.

(15). Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 10-11-1998 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *Về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn*, tr.10

(16) Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương), Thông tư số 15-TM/CSTTTN ngày 16-10-1996 *Hướng dẫn tổ chức và quản lý chợ*, tr.2-4.

(17). Tỉnh ủy Trà Vinh *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ VI (1996-2000)*, Tài liệu lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Trà Vinh, 1996, tr.146.

(18). Tỉnh ủy Trà Vinh *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ VI (1996-2000)*, Tài liệu lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Trà Vinh, 1996, tr.146,147.

(19). Tỉnh ủy Bến Tre, *Báo cáo chính trị trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, nhiệm kỳ 2001-2005*, Tài liệu lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Bến Tre, 2001, tr.21;

(20). Huyện ủy Chợ Gạo, *Lịch sử Đảng bộ huyện Chợ Gạo (1975-2010)*, Sở Thông tin và Truyền thông Tiền Giang, 2015, tr.217.

(21). Huyện ủy Chợ Gạo, *Lịch sử Đảng bộ huyện Chợ Gạo (1975-2010)*, Sở Thông tin và Truyền thông Tiền Giang, 2015, tr.246.

(22). Theo ý kiến nhận xét của ông Nguyễn Văn Hồng, cán bộ Ban quản lý chợ Ông Văn (huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

(23). Theo ý kiến nhận xét của ông Phan Minh Giảng, cán bộ Ban Quản lý chợ Bình Hiệp ở ấp Ông Nhan Tây, xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

(24). UBND Tỉnh An Giang: Quyết định số 727/1998/QĐ-UB, ngày 17-4-1998 về việc “*Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới chợ tỉnh an giang từ năm 1998 đến năm 2005*”, Tài liệu lưu trữ, Văn phòng UBND Tỉnh An Giang, tr.1.

(25). UBND Tỉnh An Giang: Quyết định số 727/1998/QĐ-UB, ngày 17-4-1998 về việc “*Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới chợ tỉnh an giang từ năm 1998 đến năm 2005*”, Tài liệu lưu trữ, Văn phòng UBND Tỉnh An Giang, tr.2.

(26), (27). UBND Tỉnh An Giang: Quyết định số 727/1998/QĐ-UB, ngày 17-4-1998 về việc “*Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới chợ tỉnh an giang từ năm 1998 đến năm 2005*”, Tài liệu lưu trữ, Văn phòng UBND Tỉnh An Giang, tr.3.

(28), (29), (30), (31). Tổng cục Thống kê, *Kết quả điều tra mạng lưới và lưu lượng hàng hóa chợ năm 1999*, Nxb. Thống kê, 2000, tr.21; tr.23; tr.27; tr.47.

(32), (33). Nhâm Hùng, *Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Trẻ, 2009, tr. 58; tr.55.

(34). Tổng cục Thống kê: *Niên giám Thống kê năm 2011* Nxb. Thống kê, tr. 484.